TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/HS-ST
Ngày 11/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tứ Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Thảo và bà Võ Thị Trúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hường, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phượng - Kiểm sát viên..

Ngày 11 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 29/2023/TLST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2023/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Phan Ngọc T, sinh ngày 13/4/1991 tại P, Gia Lai; nơi cư trú: Thôn D, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nơi tạm trú: Tổ D, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Ngọc T1 và bà Nguyễn Thị Kim L; bị cáo có vợ là Đỗ Thị Thúy V và có 02 con, lớn sinh 2017, nhỏ sinh 2021; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giam từ ngày 14/9/2022 cho đến nay; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, đồng thời là người làm chứng*:

1. Thủy Thị T2, sinh năm 1984; địa chỉ: Làng B, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; có mặt.

2. Nguyễn Quốc H, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ F, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

3. Trần Thị N, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ F, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

4. Phạm Thị Y, sinh năm 1972; địa chỉ: Làng K, xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

5. Đặng Thị N1, sinh năm 1978; địa chỉ:Thôn A, xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

6. Cù Thị Tú T3, sinh năm 1984; địa chỉ: Làng B, xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

7. Huỳnh Duy T4, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ C, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai; có mặt.

8. Huỳnh Hoàng Trâm A, sinh năm 2000; địa chỉ: Tổ C, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

9. Cao Chí D, sinh năm 1995; địa chỉ: Hẻm H, đường C, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

10. Đỗ Thị Thúy V, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn D, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai; có mặt.

11. Văn Thị Tuyết M, sinh năm 1991; địa chỉ: B P, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, qua công tác kiểm tra hành chính nơi cư trú, Công an phường A phối hợp với Công an thị xã A phát hiện chỗ ở của Phan Ngọc T tại Tổ D, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai có dấu hiệu nghi vấn. Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phan Ngọc T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã tạm giữ: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 230832572, họ tên Thủy Thị T2, cấp ngày 02/8/2017; 01 (một) bìa cứng khổ (8,5x5,3) cm, một mặt màu trắng, một mặt giống mặt sau của căn cước công dân, tại hàng cuối cùng có dòng chữ "NGUYEN<<THI<HUYEN" và nhiều tài liệu khác cùng với các thiết bị điện tử, máy in, máy ép nhựa…nghi có liên quan đến hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức. Ngoài ra, Phan Ngọc T còn tự nguyện giao nộp 01 (một) căn cước công dân số 064089000115, họ tên Phan Ngọc T sinh ngày 05/09/1989 và 01 (một) bìa cứng khổ (8,5x5,3) cm, một mặt màu trắng, một mặt giống mặt sau của căn cước công dân, tại hàng cuối cùng có dòng chữ "DO<<THI<THUY<VAN".

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã tiến hành trưng cầu giám định kỹ thuật hình sự. Tại Kết luận giám định số 457/KL-KTHS ngày 20/7/2022 của Phòng K1 Công an tỉnh G kết luận:

- 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 230832572 tên Thủy Thị T2 sinh ngày 01/01/1984 cấp ngày 02/8/2017 **là giả.**

- 01 (một) căn cước công dân số 064089000115 tên Phan Ngọc T sinh ngày 05/9/1989 cấp ngày 02/6/2021 **là giả.**

- 02 (hai) tấm bìa cứng kích thước (8,5x5,3) cm, một mặt trắng, một mặt được in giống hình mặt sau của căn cước công dân, đề ngày 01/05/2021 và ngày 02/06/2021, tại hàng cuối có dòng chữ "DO<<THI<THUY<VAN", "NGUYEN<<THI<HUYEN" **là giả**.

Quá trình điều tra xác định: Từ tháng 11 năm 2021, Phan Ngọc T thực hiện việc vay tiền từ các ứng dụng cho vay trên mạng Internet, khi có người nhờ vay tiền, T chuẩn bị 01 điện thoại thông minh, 01 (một) sim điện thoại để lên Chplay tải ứng dụng vay tiền và chụp hình ảnh căn cước công dân hoặc chứng minh nhân dân, ảnh chân dung người vay gửi lên ứng dụng cho vay để đăng ký vay, ngoài ra T sử dụng 02 (hai) điện thoại phổ thông gắn 04 sim điện thoại đăng ký trên hệ thống là số điện thoại của người thân của người vay để tham chiếu. Tiếp đó, T lập bảng thông tin cá nhân của người vay như họ tên, số chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân, ngày cấp, số điện thoại, số tài khoản, nghề nghiệp và họ tên cha mẹ, anh, chị, em… .Nếu người vay không có số tài khoản Ngân hàng thì T đăng ký mở tài khoản cho người vay. Tất cả hình ảnh và thông tin được đưa lên ứng dụng cho vay để đăng ký vay, quá trình duyệt hồ sơ, nếu có nhân viên của ứng dụng gọi điện thẩm tra hồ sơ thông qua các số điện thoại đã chuẩn bị thì Cao Chí D và Văn Thị Tuyết M nghe và trả lời điện thoại, đối với khoản vay được duyệt, tiền vay được chuyển về tài khoản đã đăng ký. T thực hiện việc vay qua nhiều ứng dụng khác nhau với số tiền từ nhỏ đến lớn. Lúc đầu khi vay T trả gốc và lãi đúng hẹn để được vay số tiền ngày càng tăng lên, T cảm thấy số tiền được duyệt vay nhiều hoặc khả năng ứng dụng không cho vay lại thì T ngừng vay và chiếm đoạt tiền vay.

Với phương thức như trên, T thực hiện việc vay tiền bằng thông tin cá nhân của người khác cụ thể:

1. Thủy Thị T2, trú tại làng B, xã H, huyện Đ, Gia Lai: Khoảng tháng 02 năm 2022, chị Thủy Thị T2 có nhu cầu vay tiền nên đến nhờ Phan Ngọc T làm thủ tục vay tiền từ Công ty T17, sau khi vay được tiền sẽ trả tiền gốc và tiền lãi vay theo qui định. T yêu cầu chị T2 cung cấp căn cước công dân số 064184012740 và chứng minh nhân dân số 230532872 mang tên Thủy Thị T2 (bị cắt góc). T sử dụng điện thoại di động chụp hình ảnh 02 mặt căn cước công dân, chứng minh nhân dân và ảnh chân dung của chị Thủy Thị T2, đồng thời T nói chị T2 mở tài khoản ngân hàng để nhận tiền vay nhưng chị T2 không quan

tâm nên khi T sử dụng thông tin cá nhân của chị T2 mở tài khoản số 148099979 tại Ngân hàng V2 và số 1020020441 tại Ngân hàng S thì chị T2 cũng không biết. Hôm sau T điện thoại cho chị T2 để thông báo hồ sơ không được duyệt vay tiền nên chị T2 không liên lạc với T nữa. Sau đó, Phan Ngọc T vào mạng xã hội facebook, sử dụng tài khoản ảo tên "Hoa Xương Rồng" do T lập ra để liên hệ với thành viên trên "Hội bùng aap" (không xác định được lai lịch) gửi hình ảnh chứng minh nhân dân số 230532872 tên Thủy Thị T2 (bị cắt góc) để đặt mua 01 (một) chứng minh nhân dân giả tên Thủy Thị T2. Chứng minh nhân dân giả số 230832572 tên Thủy Thị T2 được người bán (không xác định được lai lịch) gửi về cho Phan Ngọc T thông qua dịch vụ vận chuyển ViettelPost. Phan Ngọc T thanh toán 500.000đ bằng tiền mặt cho nhân viên vận chuyển. Sau đó Phan Ngọc T đã sử dụng chứng minh nhân dân giả số 230832572 tên Thủy Thị T2, hình ảnh cá nhân chị T2 và hai số tài khoản số 148099979 tại Ngân hàng V3 và số 1020020441 tại Ngân hàng S do T lập trước đó làm hồ sơ đăng ký vay tiền từ các ứng dụng cho vay với số tiền 4.611.200đ rồi chiếm đoạt.

2. Nguyễn Quốc H, trú tại tổ F, phường T, thị xã A: Vào ngày 26/4/2022 và ngày 27/4/2022, T thực hiện vay tiền cho H từ các ứng dụng khác nhau và được duyệt cho vay số tiền 3.231.000đ và 975.000đ được chuyển về tài khoản của H, sau đó H chuyển số tiền 4.206.000đ đến tài khoản số 40539999999 của Phan Ngọc T. Phan Ngọc T rút tiền đưa cho H 1.800.000đ, Phan Ngọc T thu lợi 2.406.000đ.

3. Trần Thị N, trú tại Tổ C, phường T, thị xã A, Gia Lai: Ngày 28/4/2022, chị Trần Thị N đến nhờ T vay tiền, N cung cấp cho T căn cước công dân của mình số 064189006790, T dùng điện thoại chụp hình ảnh căn cước công dân và hình ảnh chân dung của Trần Thị N. Sau đó T thông qua phần mềm VCB Digibank của Ngân hàng V4 đăng ký mở 01 tài khoản ngân hàng số 1028019296 tên Trần Thị N và cài đặt mật khẩu trên điện thoại di động để quản lý tài khoản này. T sử dụng thông tin cá nhân, hình ảnh căn cước công dân, hình ảnh cá nhân và tài khoản ngân hàng tên Trần Thị N vay tiền của ứng dụng "VMDVCHHO elep" được 900.000đ. Khi nhận tiền vay Phan Ngọc T thông báo cho N biết để tiếp tục vay cao hơn nhưng N nói không vay nữa nên Phan Ngọc T chuyển khoản 900.000đ đến tài khoản của Phan Ngọc T và chiếm đoạt.

4. Phạm Thị Y, trú tại làng K, xã Y, ĐakPơ, Gia Lai: Từ ngày 28/4/2022 đến ngày 11/5/2022, Phan Ngọc T thực hiện việc vay tiền cho chị Y nhiều lần từ các ứng dụng cho vay. Khi gặp Phan Ngọc T, chị Y có hỏi lãi suất thì Phan Ngọc T nói khi nào vay được mới biết. Do căn cước công dân thật của chị Y bị mất nên chị Y cung cấp hình ảnh căn cước công dân trong điện thoại di động,

cung cấp số tài khoản 5015205120653 mở tại Ngân hàng A1 Chi nhánh huyện Đ và mật khẩu Internet Banking cho T, đồng thời Phan Ngọc T sử dụng điện thoại di động của mình chụp lại hình ảnh chân dung của chị Y. Sau đó, Phan Ngọc T sử dụng thông tin của chị Phạm Thị Y vay tiền từ các ứng dụng PIGGYVN, VMDVCHHO, F-LIEDSVHJSCNY, SIEU SY được tổng số tiền 9.771.000đ, toàn bộ số tiền này được chuyển khoản nhiều lần đến số tài khoản 5015205120653 của chị Y. Khi tiền vay được chuyển về tài khoản của chị Y, Phan Ngọc T truy cập Internet Banking trên điện thoại di động của chị Y và chuyển khoản số tiền vay đến số tài khoản 40539999999 và chiếm đoạt số tiền 9.771.000đ. Phan Ngọc T nói với chị Y số tiền vay được còn ít nên chưa đưa tiền cho chị Y. Trong thời gian chị Y đến chỗ T thực hiện việc vay tiền, Phan Ngọc T cho chị Y 200.000đ để đổ xăng và cho mượn 1.000.000đ. Ngoài ra có 01 ứng dụng không duyệt cho vay qua tài khoản A1 nên Phan Ngọc T thông qua phần mềm VCB Digibank của Ngân hàng V4 mở 01 tài khoản số 1024647539 tên Phạm Thị Y với mục đích dùng để nhận tiền vay. Tuy nhiên, sau đó khoản vay không được duyệt nên tài khoản không phát sinh giao dịch.

5. Đặng Thị N1, trú tại thôn A, xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai: Khoảng tháng 5 năm 2022, chị N1 nhờ T vay tiền để tiêu dùng cá nhân. Chị N1 đưa cho Phan Ngọc T chứng minh nhân dân của mình số 230501747, do Công an tỉnh G cấp ngày 26/02/2008. Phan Ngọc T sử dụng điện thoại chụp lại hình ảnh chứng minh nhân dân và hình ảnh chân dung của chị N1. Do chị N1 không sử dụng tài khoản ngân hàng nên không có tài khoản nhận tiền vay. T nhờ Văn Thị Tuyết M chở chị N1 đến ngân hàng B chi nhánh A2 mở 01 tài khoản số 62010001374594 tên Đặng Thị N1; đồng thời Phan Ngọc T cho chị N1 mượn số tiền 500.000đ để đổ xăng. Sau đó, T thực hiện việc vay tiền từ ứng dụng "VMDVCHHOvila" và được duyệt cho vay số tiền 900.000đ chuyển về tài khoản số 62010001374594, khi có tiền T chuyển khoản về tài khoản của T số 40539999999 và chiếm đoạt.

6. Cù Thị Tú T3 trú tại Làng B, xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai: Ngày 05/5/2022, chị T3 đến gặp T nhờ vay tiền và đưa căn cước công dân số 064184005119 cho T, T chụp hình căn cước công dân đồng thời chụp ảnh chân dung chị T3. Do chị T3 không có tài khoản Ngân hàng để nhận tiền vay nên Phan Ngọc T dùng phần mềm VCB Digibank của Ngân hàng V4 phòng G mở 01 tài khoản số 9858727909 tên Cù Thị Tú T3. Lúc nhờ T vay tiền, chị T3 không có tiền đi lại nên T có cho chị T3 mượn số tiền 1.000.000đ. Sau đó, T đã thực hiện được 17 giao dịch vay tiền từ các ứng dụng "PIGGYVN", "VMDVCHHO hki", "SIEU MB", "JD VAY", "VMDVCHHOruby",

“SIEUTHIGIAINGAN”, “TIEN TRAO TAY”, “VAYCAPTOC” với số tiền 18.917.000đ sau đó chuyển đến tài khoản của Phan Ngọc T số 40539999999.

Để thực hiện hành vi vay tiền bằng chính thông tin cá nhân của mình nhằm chiếm đoạt toàn bộ số tiền vay, Phan Ngọc T sử dụng tài khoản ảo tên “Hoa Xương R” nhắn tin cho hai thành viên (không rõ lai lịch) trên “Hội bùng aap” đặt tạo ra hình ảnh căn cước công dân, giá thỏa thuận là 150.000đ/hình, người bán sẽ gửi ảnh 01(một) mặt sau của căn cước công dân để Tâm kiểm tra chất lượng, nếu T đồng ý mua thì chuyển tiền và người bán sẽ gửi đủ 02 (hai) mặt căn cước công dân cho T. T đồng ý với thỏa thuận và gửi thông tin tên Đỗ Thị Thúy V và Nguyễn Thị H1 đặt hình ảnh căn cước công dân. Sau khi được người bán gửi 02 (hai) hình ảnh mặt sau của căn cước công dân, T tải hình ảnh về lưu trữ trong máy tính xách tay Toshiba sire XC095325C rồi sử dụng máy in hiệu Canon, seri KMYV36315 màu đen, máy ép nhãn hiệu SL200A4 Laminator, giấy bìa cứng màu trắng khổ A4, giấy bìa kính (nilon) khổ (11x7,5) cm và kéo để in tạo ra 02 (hai) mặt sau của 02 (hai) căn cước công dân này kiểm tra chất lượng. Sau khi kiểm tra T thấy người tạo ra hình ảnh căn cước công dân tên Nguyễn Thị H1 tốt hơn nên đặt người này tạo ra hình ảnh căn cước công dân tên Phan Ngọc T. T dùng điện thoại di động chụp ảnh chân dung của mình sau đó gửi thông tin họ tên “Phan Ngọc T” cùng hình ảnh đặt hình ảnh căn cước công dân tên Phan Ngọc T. Sau đó người bán gửi hình ảnh căn cước công dân hoàn chỉnh 02 mặt cho Phan Ngọc T, T thanh toán số tiền 150.000đ bằng cách cào mã thẻ điện thoại và gửi hình ảnh mã thẻ qua tin nhắn Facebook. Sau khi có hình ảnh căn cước công dân, T tải về máy tính xách tay Toshiba sire XC095325C rồi sử dụng máy in hiệu Canon, seri KMYV36315, máy ép nhãn hiệu SL200A4 Laminator, giấy bìa cứng màu trắng khổ A4, giấy bìa kính (nilon) khổ (11x7,5) cm và kéo để tự in tạo ra căn cước công dân mang tên Phan Ngọc T số 064089000115.

Cũng trong thời gian này, Phan Ngọc T sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A71 truy cập vào trang www.masothue.comngẫu nhiên số căn cước công dân tìm thông tin họ tên, năm sinh của người khác và lấy được thông tin của Lê Thị Ngọc T5, Nguyễn Thị Thanh T6, Phan Thị Như T7, Bùi Thị L1, Nguyễn Bạch H2, Huỳnh Ngọc T8, Lê Minh T9, Trần Thị T10, Nguyễn Thị T11, Nguyễn Thị N2, Vi Thị Ngọc K. Sau khi có được thông tin về họ tên, năm sinh và số căn cước công dân, Phan Ngọc T tự chọn thông tin về quê quán, nơi cư trú và hình ảnh cá nhân có sẵn trên máy. Tất cả thông tin này Phan Ngọc T sử dụng tài khoản zalo chuyển qua tài khoản zalo “Lê Thanh T12” của Lê Thanh T12 để nhờ T12 chỉnh sửa hình ảnh căn cước công dân hoàn chỉnh. Phan Ngọc

T lưu trữ trong máy tính xách tay Toshiba sire XC095325C với mục đích sẽ in ra căn cước công dân sử dụng vào việc vay tiền từ các ứng dụng cho vay trên mạng Intenet nhưng chưa kịp thực hiện.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã thu giữ các vật chứng gồm:

- 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Thủy Thị T2 số 230832572 cấp ngày 2/8/2017;

- 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Kim N3 số 213086014 cấp ngày 31/5/2016;

- 01 (một) tờ bìa cứng kích thước (8,5 x 5,3)cm, một mặt màu trắng, một mặt in giống mặt sau của căn cước công dân, tại hàng cuối cùng có dòng chữ NGUYEN << THI < HUYEN;

- 01 (một) ram giấy A4 đã sử dụng (không đếm số lượng tờ);

- 03 (ba) ram giấy bìa cứng khổ A4 đã sử dụng (không đếm số lượng tờ);

- 31 (ba mươi mốt) bìa kính (nilon) kích thước (11 x 7,5) cm;

- 16 (mười sáu) phôi sim vinaphone không có sim;

- 01 (một) phôi sim Vinaphone, có sim;

- 31 (ba mươi mốt) phôi sim Itel, có sim;

- 02 (hai) ốp lưng điện thoại di động;

- 01(một) máy in hiệu Canon, seri KMYV36315 màu đen;

- 01(một) máy ép nhãn hiệu SL200A4 Laminator;

- 01 (một) máy tính xách tay Toshiba sire XC095325C;

- 93 (chín mươi ba) điện thoại di động;

- 01 (một) căn cước công dân số 064091003363 tên Phan Ngọc T;

- 01 (một) căn cước công dân số 064089000115 tên Phan Ngọc T;

- 01 (một) căn cước công dân số 051190003771 tên Đỗ Thị Thúy V;

- 01 (một) tờ bìa cứng kích thước (8,5x5,3)cm, một mặt màu trắng, một mặt in hình giống mặt sau của căn cước công dân, tại hàng cuối cùng có dòngchữ DO <<THI< THUY< VAN;

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 230812014 tên Phan Ngọc T;

- 01 (một) Ipad (9 series) seri NW4XR37029;

- 01 (một) điện thoại di động Iphone XSMax, seri G6TXMRJJKPHD, Imei 357276097004829; 357276097062512;

- 01 (một) điện thoại di động OPPO, seri 89SC89BUZDUOFAEI, Iemi 867994030599191, 867994030599183;

- 01(một) điện thoại di động Sansung A71;

- Tiền Việt Nam đồng: 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm nghìn đồng);

- 02 (hai) thẻ Visa ngân hàng S1 tên Phan Ngọc T và Đỗ Thị Thúy V.

Tại Kết luận giám định số 601/KL-KTHS ngày 15/5/2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận: Dữ liệu tìm kiếm theo nội dung yêu cầu giám định trong các mẫu cần giám định:

- Tìm thấy 04 (bốn) hội thoại tin nhắn có tin nhắn hình ảnh qua ứng dụng Zalo trong điện thoại di động mang nhãn hiệu "iPhone"; 01 (một) hội thoại tin nhắn có tin nhắn hình ảnh qua ứng dụng Zalo trong máy tính bảng có tên kiểu máy: iPad (thế hệ 9);

- Không tìm thấy tin nhắn hình ảnh qua ứng dụng Zalo trong máy tính xách tay mang nhãn hiệu "TOSHIBA", điện thoại di động mang nhãn hiệu " OPPO" và điện thoại di động mang nhãn hiệu "SAM SUNG".

Kết quả thực nghiệm điều tra: Tiến hành cho Phan Ngọc T sử dụng các công cụ, phương tiện để thực hiện việc tạo ra tài liệu giả như sau: Sau khi bật nguồn, kết nối máy tính xách tay Toshiba sire XC095325C vào máy in hiệu Cáoon seri KMYV36315, bật nguồn điện máy ép nhãn hiệu SL200A4 Laminator, Phan Ngọc T lấy giấy bìa cứng màu trắng khổ A4 bỏ vào khay nhận giấy của máy in. Phan Ngọc T thao tác trên máy tính, mở hình ảnh mặt sau căn cước công dân tên Nguyễn Bạch H2 sau đó thực hiện lệnh in và in ra hình ảnh mặt sau căn cước công dân tên Nguyễn Bạch H2. Bị cáo tiếp tục dùng kéo cắt để tạo ra hình ảnh căn cước với kích thước giống như kích thước của căn cước công dân thật. Bị cáo dùng bìa kính (nilon) khổ (11x7,5)cm, đưa hình ảnh căn cước công dân tên Nguyễn Bạch H2 đã được cắt vào giữa 02 tấm bìa kính (nilon), điều chỉnh cho ngay thẳng sau đó đưa vào máy ép nhãn hiệu SL200A4 Laminator chạy 02 lượt ép chặt phần nilon dính vào hình ảnh căn cước công dân vừa in ra. Sau đó Bị cáo dùng kéo cắt phần nilon thừa và cắt góc tạo thành mặt sau của căn cước công dân tên Nguyễn Bạch H2.

Tiếp tục cho bị cáo thao tác trên máy tính xách tay Toshiba sire XC095325C, mở hình ảnh hai mặt căn cước công dân tên Phan Ngọc T sau đó thực hiện lệnh in và in ra hình ảnh mặt sau và mặt trước của căn cước công dân

tên Phan Ngọc T. Bị cáo dùng kéo cắt để tạo ra hình ảnh căn cước với kích thước giống như kích thước của căn cước công dân thật. Bị cáo ghép hình ảnh mặt trước và mặt sau của căn cước công dân với nhau, mặt trắng vào trong, mặt in ra ngoài và dùng bìa kính (nilon) khổ (11x7,5)cm, đưa hình ảnh 02 mặt căn cước công dân tên Phan Ngọc T đã được cắt vào giữa 02 tấm bìa kính (nilon), điều chỉnh cho ngay thẳng sau đó đưa vào máy ép nhãn hiệu SL200A4 Laminator chạy 02 lượt ép chặt phần nilon dính vào hình ảnh căn cước công dân vừa in ra. Sau đó bị cáo dùng kéo cắt phần nilon thừa và cắt góc tạo thành căn cước công dân tên Phan Ngọc T. Kết quả sau khi thực hiện các thao tác đã tạo ra tài liệu giả gồm: Mặt sau của căn cước công dân tên Nguyễn Bạch H2 và căn cước công dân tên Phan Ngọc T.

Quá trình điều tra xác định Phan Ngọc T đã thu lợi bất chính số tiền 37.505.200đ, bị cáo đã tác động gia đình nộp số tiền trên.

Tại Bản cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 19/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố bị cáo Phan Ngọc T về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan" quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự và tội "Làm giả tài liệu của cơ quan" quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phan Ngọc T phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan" và tội "Làm giả tài liệu của cơ quan".

Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm b, điểm c khoản 2 Điều 341; Điều 38; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật Hình sự;

Đề nghị xử phạt bị cáo Phan Ngọc T từ 06 đến 09 tháng tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan" và từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị căn cứ khoản 4 Điều 341 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đề nghị áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

- Về xử lý vật chứng:

Đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước:

+ 01(một) máy in hiệu Canon, seri KMYV36315 màu đen;

+ 01(một) máy ép nhãn hiệu SL200A4 Laminator;

+ 01 (một) máy tính xách tay Toshiba, sire XC095325C;

+ 01 (một) Ipad (9 series), seri NW4XR37029

+ 01 (một) điện thoại di động Iphone XSMax, seri G6TXMRJJKPHD, Imei 357276097004829; 357276097062512;

+ 01 (một) điện thoại di động OPPO, seri 89SC89BUZDUOFAEI, Iemi 867994030599191, 867994030599183;

+ 01(một) điện thoại di động Sansung A71;

+ 93 (chín mươi ba) điện thoại di động (không kiểm tra tình trạng bên trong), được niêm phong trong thùng carton bằng giấy, tại mép dán được dán kín bằng giấy niêm phong, trên có dấu tròn nội dung "CÔNG AN THỊ XÃ A CÔNG AN PHƯỜNG AN BÌNH" và họ tên chữ ký của Dương Ngọc D1, Hoàng Thị P, Hoàng Quốc V1, Phan Ngọc T, Phạm Thị T13, Đinh Thị Thanh T14.

Đề nghị trả lại cho bị cáo Phan Ngọc T:

+ Tiền Việt Nam đồng: 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm nghìn đồng), nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án về dân sự;

+ 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 230812014, họ tên Phan Ngọc T, sinh ngày 13/4/1991;

+ 01 (một) căn cước công dân số 064091003363, họ tên Phan Ngọc Tâm s, ngày 13/4/1991;

+ 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 23108614, họ tên Nguyễn Thị Kim N3, cấp ngày 31/5/2016.

Đề nghị trả lại cho chị Đỗ Thị Thúy V: 01 (một) căn cước công dân số 051190003771, họ tên Đỗ Thị Thúy V, sinh ngày 28/12/1990.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) ram giấy A4 đã qua sử dụng (không kiểm đếm số lượng tờ);

+ 03 (ba) ram giấy bìa cứng khổ A4 đã qua sử dụng (không kiểm đếm số lượng tờ);

+ 28 (hai mươi tám) bìa kính (nilon) kích thước (11 x 7,5) cm (là số bìa kính còn lại trong số 31 bìa kính thu giữ khi khám xét chỗ ở của Phan Ngọc T sau khi đã sử dụng 03 bìa kính để thực nghiệm điều tra);

+ 16 (mười sáu) phôi sim Vinaphone, không có sim.

+ 01 (một) phôi sim Vinaphone, có sim;

+ 31 (ba mươi mốt) phôi sim Intel, có sim;

+ 02 (hai) ốp lưng điện thoại di động;

+ 02 (hai) thẻ Visa Ngân hàng S1 tên Phan Ngọc T và Đỗ Thị Thúy V.

+ 01 (một) sim điện thoại trong chiếc điện thoại di động Iphone XSMax, seri G6TXMRJJKPHD, Imei 357276097004829; 357276097062512 của Phan Ngọc T;

+ 01 (một) sim điện thoại trong chiếc điện thoại di động OPPO, seri 89SC89BUZDUOFAEI, Iemi 867994030599191, 867994030599183 của Phan Ngọc T;

+ 02 (hai) sim điện thoại trong chiếc điện thoại di động Sansung A71 của Phan Ngọc T.

Đề nghị chuyển giao cho Tòa án nhân dân thị xã A để lưu vào hồ sơ vụ án gồm:

+ 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 230832572, họ tên Thủy Thị T2, sinh ngày 01/01/1984;

+ 01 (một) căn cước công dân số 064089000115, họ tên Phan Ngọc T sinh ngày 05/09/1989;

+ 01 (một) bìa cứng khổ (8,5x5,3) cm, một mặt màu trắng, một mặt giống mặt sau của căn cước công dân, tại hàng cuối cùng có dòng chữ "NGUYEN << THI < HUYEN";

+ 01 (một) bìa cứng khổ (8,5x5,3) cm, một mặt màu trắng, một mặt giống mặt sau của căn cước công dân, tại hàng cuối cùng có dòng chữ "DO<<THI<THUY<VAN".

+ 01 (một) mặt sau của căn cước công dân tên Nguyễn Bạch H2 và 01 (một) căn cước công dân tên Pham Ngọc T15 được niêm phong trong 01 bì công văn Công an thị xã A, tại các mép dán được dán kín, đóng dấu tròn đỏ "CÔNG AN THỊ XÃ A TỈNH GIA LAI*CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA", họ tên chữ ký của Dương Ngọc D1, Hoàng Thị P, Phan Ngọc T và Đặng Văn H3.

Đề nghị chuyển trả lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A các tài liệu làm mẫu so sánh để giám định:

+ 01 (một) căn cước công dân số 064189013497, họ tên Nguyễn Thị M1 sinh ngày 02/11/1089;

+ 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 230411992, họ tên Đặng Thị Kiều D2, sinh năm 1972;

+ 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 231260058, họ tên Đinh L2, sinh ngày 15/03/2001.

+ 01 (một) căn cước công dân số 064092010810, họ tên Huỳnh Duy T4, sinh ngày 11/3/1992.

- Về biện pháp tư pháp: Đề nghị tịch thu số tiền thu lợi bất chính 37.505.200đ mà bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007681 ngày 12/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A để sung ngân sách Nhà nước.

Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo Phan Ngọc T phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến kiến nghị hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án do đó đã có đủ cơ sở xác định: Phan Ngọc T là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo đã lợi dụng sơ hở của các ứng dụng cho vay trên mạng Internet để thực hiện việc vay tiền rồi chiếm đoạt. Trong đó, bị cáo thực hiện hành vi làm giả chứng minh nhân dân, căn cước công dân và sử dụng vào mục đích vay tiền qua các ứng dụng vay trên mạng Internet rồi chiếm đoạt. Với thủ đoạn trên, vào khoảng tháng 02 năm 2022, chị Thủy Thị T2 có nhờ T vay tiền và cung cấp chứng minh nhân dân số 230532872 mang tên Thủy Thị T2 đã bị cắt góc. Sau đó, thông qua mạng xã hội facebook bị cáo đặt mua 01 chứng minh nhân dân mang tên Thủy Thị T2 số 230832572 giả. Bị cáo đã dùng chứng minh nhân dân giả mang tên Thủy Thị T2 để lập hồ sơ vay tiền từ các ứng dụng cho vay trên mạng Internet rồi chiếm đoạt. Ngoài ra, vào khoảng tháng 4 năm 2022, thông qua mạng xã hội facebook Phan Ngọc T đã đặt mua 02

hình ảnh mặt sau của căn cước công dân rồi sử dụng các công cụ in, cắt, ép tạo ra 02 tấm bìa cứng có hình ảnh mặt sau của căn cước công dân để kiểm tra chất lượng. Sau đó, bị cáo tiếp tục thông qua mạng xã hội facebook đặt mua 02 hình ảnh 02 mặt của căn cước công dân tên Phan Ngọc T. Đến cuối tháng 4 năm 2022, T sử dụng các công cụ in, cắt, ép tạo ra 01 căn cước công dân tên Phan Ngọc T số 064089000115 giả nhưng chưa kịp sử dụng thì bị phát hiện.

Với những hành vi trên đã đủ cơ sở tuyên bố Phan Ngọc T phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" với tình tiết định khung "Phạm tội 02 lần trở lên" và "Làm từ 02 tài liệu đến 05 tài liệu" theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự và tội " Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; đã tác động gia đình nộp toàn bộ số tiền thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả. Do đó, cần được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, đặc điểm, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy cần thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 4 Điều 341 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với các vật chứng là công cụ, phương tiện mà bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước gồm:

+ 01(một) máy in hiệu Canon, seri KMYV36315 màu đen;

+ 01(một) máy ép nhãn hiệu SL200A4 Laminator;

+ 01 (một) máy tính xách tay Toshiba, sire XC095325C;

+ 01 (một) Ipad (9 series), seri NW4XR37029

+ 01 (một) điện thoại di động Iphone XSMax, seri G6TXMRJJKPHD, Imei 357276097004829; 357276097062512;

+ 01 (một) điện thoại di động OPPO, seri 89SC89BUZDUOFAEI, Iemi 867994030599191, 867994030599183;

+ 01(một) điện thoại di động Sansung A71;

+ 93 (chín mươi ba) điện thoại di động (không kiểm tra tình trạng bên trong), được niêm phong trong thùng carton bằng giấy, tại mép dán được dán kín bằng giấy niêm phong, trên có dấu tròn nội dung "CÔNG AN THỊ XÃ A CÔNG AN PHƯỜNG AN BÌNH" và họ tên chữ ký của Dương Ngọc D1, Hoàng Thị P, Hoàng Quốc V1, Phan Ngọc T, Phạm Thị T13, Đinh Thị Thanh T14.

- Đối với số tiền 1.700.000 đồng (một triệu, bảy trăm nghìn đồng) trả lại cho bị cáo Phan Ngọc T, nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án về dân sự.

- Đối với các tài liệu không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm:

+ Trả lại cho bị cáo Phan Ngọc T: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 230812014, họ tên Phan Ngọc T, sinh ngày 13/4/1991; 01 (một) căn cước công dân số 064091003363, họ tên Phan Ngọc T, sinh ngày 13/4/1991; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 23108614, họ tên Nguyễn Thị Kim N3, cấp ngày 31/5/2016.

+ Trả lại cho chị Đỗ Thị Thúy V: 01 (một) căn cước công dân số 051190003771, họ tên Đỗ Thị Thúy V, sinh ngày 28/12/1990.

- Đối với các vật chứng không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy gồm:

+ 01 (một) ram giấy A4 đã qua sử dụng (không kiểm đếm số lượng tờ);

+ 03 (ba) ram giấy bìa cứng khổ A4 đã qua sử dụng (không kiểm đếm số lượng tờ);

+ 28 (hai mươi tám) bìa kính (nilon) kích thước (11 x 7,5) cm (là số bìa kính còn lại trong số 31 bìa kính thu giữ khi khám xét chỗ ở của Phan Ngọc T sau khi đã sử dụng 03 bìa kính để thực nghiệm điều tra);

+ 16 (mười sáu) phôi sim Vinaphone, không có sim.

+ 01 (một) phôi sim Vinaphone, có sim;

+ 31 (ba mươi mốt) phôi sim Intel, có sim;

+ 02 (hai) ốp lưng điện thoại di động;

+ 02 (hai) thẻ Visa Ngân hàng S1 tên Phan Ngọc T và Đỗ Thị Thúy V.

+ 01 (một) sim điện thoại trong chiếc điện thoại di động Iphone XSMax, seri G6TXMRJJKPHD, Imei 357276097004829; 357276097062512 của Phan Ngọc T;

+ 01 (một) sim điện thoại trong chiếc điện thoại di động OPPO, seri 89SC89BUZDUOFAEI, Iemi 867994030599191, 867994030599183 của Phan Ngọc T;

+ 02 (hai) sim điện thoại trong chiếc điện thoại di động Sansung A71 của Phan Ngọc T.

- Đối với các vật chứng là các tài liệu chứng minh tội phạm cần lưu vào hồ sơ vụ án nên chuyển giao cho Tòa án nhân dân thị xã A để lưu vào hồ sơ vụ án gồm:

+ 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 230832572, họ tên Thủy Thị T2, sinh ngày 01/01/1984;

+ 01 (một) căn cước công dân số 064089000115, họ tên Phan Ngọc T sinh ngày 05/09/1989;

+ 01 (một) bìa cứng khổ (8,5x5,3) cm, một mặt màu trắng, một mặt giống mặt sau của căn cước công dân, tại hàng cuối cùng có dòng chữ "NGUYEN << THI < HUYEN";

+ 01 (một) bìa cứng khổ (8,5x5,3) cm, một mặt màu trắng, một mặt giống mặt sau của căn cước công dân, tại hàng cuối cùng có dòng chữ "DO<<THI<THUY<VAN".

+ 01 (một) mặt sau của căn cước công dân tên Nguyễn Bạch H2 và 01 (một) căn cước công dân tên Pham Ngọc T15 được niêm phong trong 01 bì công văn Công an thị xã A, tại các mép dán được dán kín, đóng dấu tròn đỏ "CÔNG AN THỊ XÃ A TỈNH GIA LAI*CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA", họ tên chữ ký của Dương Ngọc D1, Hoàng Thị P, Phan Ngọc T và Đặng Văn H3.

Đối với các tài liệu mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A sử dụng để làm mẫu so sánh trong quá trình yêu cầu giám định kỹ thuật hình sự cần chuyển trả lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A gồm:

+ 01 (một) căn cước công dân số 064189013497, họ tên Nguyễn Thị M1 sinh ngày 02/11/1089;

+ 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 230411992, họ tên Đặng Thị Kiều D2, sinh năm 1972;

+ 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 231260058, họ tên Đinh L2, sinh ngày 15/03/2001.

+ 01 (một) căn cước công dân số 064092010810, họ tên Huỳnh Duy T4, sinh ngày 11/3/1992.

[8] Về biện pháp tư pháp: Xét thấy cần tịch thu để sung ngân sách Nhà nước đối với số tiền thu lợi bất chính 37.505.200đ mà bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007681 ngày 12/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

[9] Về những các đối tượng và những nội dung có liên quan:

- Đối với hành vi của Phan Ngọc T, Cao Chí D và Văn Thị Tuyết M thông qua việc sử dụng thông tin của người khác đăng ký vay tiền từ các ứng dụng cho vay trên mạng Internet rồi chiếm đoạt. Quá trình điều tra xác định Phan Ngọc T có ý định chiếm đoạt tài sản từ trước, cố tình đưa ra các thông tin sai sự thật để đăng ký lên các ứng dụng cho vay, khi tiền vay được chuyển về tài khoản thì T để chiếm đoạt. Các tài khoản đã chuyển tiền đến tài khoản của người vay gồm các tài khoản sau: Tài khoản số 700020056740 Công ty cổ phần T18; tài khoản số 12410003434099 Công ty cổ phần D3; tài khoản số 19134668599017 Công ty TNHH C là các Công ty T19 thanh toán, không phải là công ty cho vay và chi trả đối với các giao dịch chuyển tiền đến các tài khoản tên Phạm Thị Y, Đặng Thị N1, Trần Thị N và Cù Thị Tú T3. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã gửi công văn yêu cầu Công ty cổ phần T18, Công ty cổ phần D3 và Công ty TNHH C cung cấp thông tin về cá nhân hoặc tổ chức đã sử dụng dịch vụ thanh toán trung gian đối với các giao dịch chuyển khoản trên để xác định các cá nhân hoặc tổ chức cho vay nhưng đến nay chưa nhận được công văn trả lời từ các công ty trung gian thanh toán nên không có cơ sở để xác định bị hại. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã tách hành vi nêu trên của Phan Ngọc T, Cao Chí D và Văn Thị Tuyết M thành vụ việc riêng để tiếp tục điều tra xác định bị hại, xử lý sau là có căn cứ.

- Đối với hành vi của Phan Ngọc T thu thập thông tin cá nhân của Lê Thị Ngọc T5, Nguyễn Thị Thanh T6, Phan Thị Như T7, Bùi Thị L1, Nguyễn Bạch H2, Huỳnh Ngọc T8, Lê Minh T9, Trần Thị T10, Nguyễn Thị T11, Nguyễn Thị N2, Vi Thị Ngọc K, sau đó nhờ Lê Thanh T12 chỉnh sửa thành hình ảnh căn cước công dân và lưu trữ trong máy tính xách tay Toshiba sire XC095325C với mục đích in ra tạo thành căn cước công dân giả để vay tiền. Tuy nhiên, số hình

ảnh căn cước công dân trên chưa được Phan Ngọc T in ra để tạo thành tài liệu giả nên chưa đủ căn cứ xử lý.

- Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có căn cứ xác định Lê Thanh T12 đồng phạm với Phan Ngọc T thực hiện hành vi sử dụng tài liệu giả là chứng minh nhân dân có tên Thủy Thị T2 số 230832572 để vay tiền và giúp sức cho Phan Ngọc T chỉnh sửa hình ảnh để làm ra các tài liệu giả gồm: 02 (hai) tờ bìa cứng khổ (8,5x5,3)cm, một mặt màu trắng, một mặt được in giống hình mặt sau của căn cước công dân tại hàng cuối có dòng chữ "DO<<THI<THUY<VAN", "NGUYEN<<THI<HUYEN" và 01(một) căn cước công dân số 064089000115 tên Phan Ngọc T. Do đó, Lê Thanh T12 không đồng phạm với Phan Ngọc T về hành vi "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và hành vi "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

- Đối với Thủy Thị T2 có hành vi đưa chứng minh nhân dân của mình cho Phan Ngọc T để nhờ T vay tiền. Sau đó, Phan Ngọc T đã lợi dụng thông tin từ chứng minh nhân dân của chị T2 để đặt mua chứng minh nhân dân giả và thực hiện vay tiền của các ứng dụng rồi chiếm đoạt. Chị T2 không biết việc T đặt mua chứng minh nhân dân giả tên mình, không hưởng lợi từ hành vi trái pháp luật của Phan Ngọc T nên đủ căn cứ xác định chị Thủy Thị T2 không đồng phạm với Phan Ngọc T về hành vi "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

- Đối với Nguyễn Quốc H, Trần Thị N, Phạm Thị Y, Đặng Thị N1 và Cù Thị Tú T3 có hành vi nhờ T vay tiền với mục đích tiêu dùng cá nhân và cung cấp thông tin cá nhân để Tâm thực hiện việc vay tiền. Tuy nhiên, tất cả những người này đều không biết T thực hiện việc vay tiền của ai, không biết phương thức thực hiện việc vay tiền và không có ý định chiếm đoạt tiền vay nên không xử lý là có căn cứ.

- Đối với Cao Chí D, Văn Thị Tuyết M và Đỗ Thị Thúy V không biết việc Phan Ngọc T sử dụng chứng minh nhân dân giả tên Thủy Thị T2, số B để vay tiền rồi chiếm đoạt, không biết việc T tạo ra tài liệu giả nên không đồng phạm với T về hành vi "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và hành vi "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 292; Điều 293; khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm b, điểm c khoản 2 Điều 341; khoản 4 Điều 341; Điều 38; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo Phan Ngọc T phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

2. Xử phạt bị cáo Phan Ngọc T 06 (sáu) tháng tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam là ngày 14 tháng 9 năm 2022.

3. Về hình phạt bổ sung: Xử phạt bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng:

4.1. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) máy in hiệu Canon, seri KMYV36315 màu đen;

- 01 (một) máy ép nhãn hiệu SL200A4 Laminator;

- 01 (một) máy tính xách tay Toshiba, sire XC095325C;

- 01 (một) Ipad (9 series), seri NW4XR37029

- 01 (một) điện thoại di động Iphone XSMax, seri G6TXMRJJKPHD, Imei 357276097004829; 357276097062512;

- 01 (một) điện thoại di động OPPO, seri 89SC89BUZDUOFAEI, Iemi 867994030599191, 867994030599183;

- 01 (một) điện thoại di động Sansung A71;

- 93 (chín mươi ba) điện thoại di động (không kiểm tra tình trạng bên trong), được niêm phong trong thùng carton bằng giấy, tại mép dán được dán kín bằng giấy niêm phong, trên có dấu tròn nội dung "CÔNG AN THỊ XÃ A CÔNG AN PHƯỜNG AN BÌNH" và họ tên chữ ký của Dương Ngọc D1,

Hoàng Thị P, Hoàng Quốc V1, Phan Ngọc T, Phạm Thị T13, Đinh Thị Thanh T14.

4.2. Trả lại cho bị cáo Phan Ngọc T:

- Tiền Việt Nam đồng: 1.700.000 đồng (một triệu, bảy trăm nghìn đồng), nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án về dân sự;

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 230812014, họ tên Phan Ngọc T, sinh ngày 13/4/1991;

- 01 (một) căn cước công dân số 064091003363, họ tên Phan Ngọc T sinh ngày 13/4/1991;

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 23108614, họ tên Nguyễn Thị Kim N3, cấp ngày 31/5/2016.

4.3. Trả lại cho chị Đỗ Thị Thúy V: 01 (một) căn cước công dân số 051190003771, họ tên Đỗ Thị Thúy V, sinh ngày 28/12/1990.

4.4. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) ram giấy A4 đã qua sử dụng (không kiểm đếm số lượng tờ);

- 03 (ba) ram giấy bìa cứng khổ A4 đã qua sử dụng (không kiểm đếm số lượng tờ);

- 28 (hai mươi tám) bìa kính (nilon) kích thước (11 x 7,5) cm (là số bìa kính còn lại trong số 31 bìa kính thu giữ khi khám xét chỗ ở của Phan Ngọc T sau khi đã sử dụng 03 bìa kính để thực nghiệm điều tra);

- 16 (mười sáu) phôi sim Vinaphone, không có sim.

- 01 (một) phôi sim Vinaphone, có sim;

- 31 (ba mươi mốt) phôi sim Intel, có sim;

- 02 (hai) ốp lưng điện thoại di động;

- 02 (hai) thẻ Visa Ngân hàng S1 tên Phan Ngọc T và Đỗ Thị Thúy V.

- 01 (một) sim điện thoại trong chiếc điện thoại di động Iphone XSMax, seri G6TXMRJJKPHD, Imei 357276097004829; 357276097062512 của Phan Ngọc T;

- 01 (một) sim điện thoại trong chiếc điện thoại di động OPPO, seri 89SC89BUZDUOFAEI, Iemi 867994030599191, 867994030599183 của Phan Ngọc T;

- 02 (hai) sim điện thoại trong chiếc điện thoại di động Sansung A71 của Phan Ngọc T.

4.5. Chuyển giao cho Tòa án nhân dân thị xã A để lưu vào hồ sơ vụ án gồm:

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 230832572, họ tên Thủy Thị T2, sinh ngày 01/01/1984;

- 01 (một) căn cước công dân số 064089000115, họ tên Phan Ngọc T sinh ngày 05/09/1989;

- 01 (một) bìa cứng khổ (8,5x5,3) cm, một mặt màu trắng, một mặt giống mặt sau của căn cước công dân, tại hàng cuối cùng có dòng chữ NGUYEN << THI < HUYEN;

- 01 (một) bìa cứng khổ (8,5x5,3) cm, một mặt màu trắng, một mặt giống mặt sau của căn cước công dân, tại hàng cuối cùng có dòng chữ "DO<<THI<THUY<VAN".

- 01 (một) mặt sau của căn cước công dân tên Nguyễn Bạch H2 và 01 (một) căn cước công dân tên Pham Ngọc T15 được niêm phong trong 01 bì công văn Công an thị xã A, tại các mép dán được dán kín, đóng dấu tròn đỏ "CÔNG AN THỊ XÃ A TỈNH GIA LAI*CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA", họ tên chữ ký của Dương Ngọc D1, Hoàng Thị P, Phan Ngọc T và Đặng Văn H3.

4.6. Chuyển trả lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A các tài liệu làm mẫu so sánh để giám định:

- 01 (một) căn cước công dân số 064189013497, họ tên Nguyễn Thị M1 sinh ngày 02/11/1089;

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 230411992, họ tên Đặng Thị Kiều D2, sinh năm 1972;

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 231260058, họ tên Đinh L2, sinh ngày 15/03/2001.

- 01 (một) căn cước công dân số 064092010810, họ tên Huỳnh Duy T4, sinh ngày 11/3/1992.

(Các vật chứng hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A. Đặc điểm, số lượng, chủng loại như biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/01/2023 và ngày 23/6/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A).

5. Về biện pháp tư pháp: Tịch thu số tiền 37.505.200đ (ba mươi bảy triệu, năm trăm lẻ năm nghìn, hai trăm đồng) mà bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007681 ngày 12/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A để sung ngân sách Nhà nước.

6. Về án phí: Buộc bị cáo Phan Ngọc T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tứ Hải